

Số: **69** /2014/QĐ-UBND

*Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2014*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện),  
xe máy, xe ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương;

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 270/BTC-CST ngày 07 tháng 01 năm 2010 về việc phí trông giữ xe;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội Khóa XIV Kỳ họp thứ 10 về việc ban hành, bãi bỏ một số quy định thu phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân Thành phố;

Xét đề nghị của Liên ngành: Cục Thuế thành phố Hà Nội - Sở Tài chính - Sở Tư pháp - Kho bạc Nhà nước Hà Nội tại Tờ trình số 30039/TTrLN: CT-STC-TP-KBNN ngày 18 tháng 6 năm 2014,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Điều 1. Đối tượng nộp phí**

1. Đối với trông giữ xe thông thường: Các tổ chức, cá nhân được cung ứng dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện), xe máy, xe ô tô.

2. Đối với trông giữ phương tiện giao thông bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông: Người bị tạm giữ phương tiện do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (TTATGT) theo quy định.

Riêng đối với các trường hợp sau:

+ Phương tiện bị tạm giữ nhưng xác định người sử dụng phương tiện giao thông không có lỗi trong việc chấp hành pháp luật về TTATGT thì không phải nộp phí trông giữ phương tiện. Nếu người sử dụng phương tiện đã nộp phí thì đơn vị thu phải hoàn trả lại tiền phí đã thu. Trường hợp đơn vị thu là đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện thì đơn vị ra quyết định tạm giữ phải chỉ trả cho đơn vị chuyên doanh trông giữ phương tiện, khoản phí này từ khoản tiền xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ mà đơn vị được sử dụng.

+ Phương tiện bị tạm giữ có quyết định tịch thu thì phí trông giữ được sử dụng từ tiền bán đấu giá phương tiện vi phạm.

+ Trường hợp phương tiện bị tạm giữ được chuyển sang cơ quan điều tra thì không phải nộp phí trông giữ.

### **Điều 2. Mức thu phí**

Tất cả các mức thu phí quy định dưới đây đã bao gồm thuế GTGT trong trường hợp là phí ngoài ngân sách.

#### **1. Mức thu phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện), xe máy:**

- Các mức thu quy định dưới đây là mức thu đã bao gồm gửi mũ bảo hiểm (nếu có)

- Một lượt xe: là một lần xe vào, xe ra điểm trông giữ xe.

- Thời gian ban ngày: từ 6 giờ đến 18 giờ, thời gian ban đêm: từ sau 18 giờ đến trước 6 giờ ngày hôm sau.

#### **1.1. Mức thu phí bên ngoài các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại:**

1.1.1. Tại địa bàn các quận; tại các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa (không phân biệt theo địa bàn):

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
<b>1. Phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện)</b>		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	40.000
<b>2. Phí trông giữ xe máy</b>		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	3.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	5.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	7.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	70.000

1.1.2. Tại các Chợ, trường học, bệnh viện (không phân biệt theo địa bàn); tại địa bàn các huyện ngoại thành (trừ trường hợp trông giữ xe tại các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa) và thị xã Sơn Tây.

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
<b>1. Phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện)</b>		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	1.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	2.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	30.000
<b>2. Phí trông giữ xe máy</b>		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	50.000

1.2. Mức thu phí bên trong các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại:

1.2.1. Trong các nhà chung cư, trung tâm thương mại được đầu tư tầng trông giữ xe hiện đại (Trang bị hệ thống giám sát: camera theo dõi, kiểm tra phương tiện, người gửi; ra vào quét thẻ theo dõi giờ vào, giờ ra và tính tiền, in hóa đơn tự động):

Nội dung thu phí	Đơn vị tính	Mức thu
<b>1. Phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện)</b>		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	40.000
<b>2. Phí trông giữ xe máy</b>		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	5.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	6.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	10.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	100.000

1.2.2. Trong các nhà chung cư, trung tâm thương mại khác:

Nội dung thu phí	Đơn vị tính	Mức thu
<b>1. Phí trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện)</b>		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	1.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	2.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	30.000
<b>2. Phí trông giữ xe máy</b>		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	5.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	60.000

**2. Phí trông giữ xe ô tô**

**2.1. Mức thu phí bên ngoài các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe cao tầng:**

**2.1.1. Phí trông giữ xe ô tô theo từng lượt**

- **Quy định về lượt xe:**

+ 1 lượt tối đa không quá 120 phút, quá thời gian 120 phút thu thêm các lượt tiếp theo.

+ Trường hợp gửi xe qua đêm (Từ sau 18 giờ đến trước 6 giờ sáng hôm sau) tính bằng 3 lượt.

*Đơn vị tính: đồng/xe/lượt*

Nội dung thu phí	Tại các tuyến phố cần hạn chế dừng, đỗ xe ở địa bàn bốn quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa.	Tại địa bàn bốn quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa. (Trừ các tuyến phố cần hạn chế dừng, đỗ xe)	Tại các quận (Trừ 4 quận trên)	Tại thị xã Sơn Tây và các huyện
- Xe đến 9 ghế ngồi và xe tải từ 2 tấn trở xuống	40.000	30.000	25.000	20.000
-Xe từ 10 ghế ngồi trở lên và xe tải trên 2 tấn trở lên	50.000	40.000	30.000	25.000

**2.1.2 Phí trông giữ xe ô tô hợp đồng theo tháng:**

**2.1.2.1. Mức thu đối với loại xe tính theo ghế ngồi (xe con, xe du lịch, xe khách).**

**a. Đối với xe gửi tại nơi không có mái che:**

**a.1. Tại các tuyến phố cần hạn chế dừng, đỗ xe ở địa bàn bốn quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa.**

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)	
	Xe đến 9 chỗ ngồi	Xe từ 10 ghế ngồi trở lên
- Ban ngày	2.500.000	3.000.000
- Ban đêm	2.000.000	2.500.000
- Ngày, đêm	3.500.000	4.500.000

**a.2. Tại 4 Quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa (Trừ các tuyến phố cần hạn chế dừng, đỗ xe tại điểm a.1):**

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Ban ngày	1.000.000	1.100.000	1.200.000	1.300.000
- Ban đêm	700.000	800.000	900.000	1.000.000
- Ngày, đêm	1.500.000	1.600.000	1.700.000	1.800.000

**a.3. Tại các quận còn lại.**

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Ban ngày	700.000	800.000	900.000	1.000.000
- Ban đêm	500.000	600.000	700.000	800.000
- Ngày, đêm	900.000	1.000.000	1.100.000	1.200.000

**a.4. Tại thị xã Sơn Tây và các huyện**

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Ban ngày	300.000	400.000	500.000	600.000
- Ban đêm	400.000	500.000	600.000	700.000
- Ngày, đêm	500.000	600.000	700.000	800.000

**b. Đối với xe gửi tại nơi có mái che**

**b.1. Tại 4 Quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa.**

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Ban ngày	1.100.000	1.200.000	1.300.000	1.400.000
- Ban đêm	900.000	1.000.000	1.100.000	1.200.000
- Ngày, đêm	1.600.000	1.700.000	1.800.000	1.900.000

**b.2. Tại các quận còn lại**

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Ban ngày	900.000	1.000.000	1.100.000	1.200.000
- Ban đêm	800.000	900.000	1.000.000	1.100.000
- Ngày, đêm	1.100.000	1.200.000	1.300.000	1.400.000

**b.3. Tại thị xã Sơn Tây và các huyện**

Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Ban ngày	500.000	600.000	700.000	800.000
- Ban đêm	600.000	700.000	800.000	900.000
- Ngày, đêm	800.000	900.000	1.000.000	1.100.000

**2.1.2.2. Mức thu đối với loại xe tính theo tải trọng (xe tải)**

**a. Tại Khu vực các Quận**

Phương thức nhận trông giữ ô tô	Mức thu (đồng/tháng)		
	Đến 2 tấn	Trên 2 tấn đến 7 tấn	Trên 7 tấn
- Ban ngày	400.000	500.000	700.000
- Ban đêm	500.000	600.000	800.000
- Ngày, đêm	600.000	700.000	900.000

**b. Tại thị xã Sơn Tây và các Huyện**

Phương thức nhận trông giữ ô tô	Mức thu (đồng/tháng)		
- Ban ngày	300.000	400.000	550.000
- Ban đêm	400.000	500.000	650.000
- Ngày, đêm	500.000	600.000	750.000

**2.2. Mức thu phí bên trong các tòa nhà chung cư, trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe cao tầng:**

**2.2.1. Mức thu theo lượt đối với xe ô tô đến 9 chỗ ngồi như sau:**

**Quy định về lượt xe:**

1 lượt tối đa không quá 120 phút, quá thời gian 120 phút thu thêm các lượt tiếp theo. Trường hợp gửi xe qua đêm (Từ sau 18 giờ đến trước 6 giờ sáng hôm sau) tính bằng 3 lượt.

Địa bàn thu phí	Đơn vị tính	Mức thu
Tại quận Hoàn Kiếm; Ba Đình; Hai Bà Trưng; Đống Đa	Đồng/xe/lượt	40.000
Các quận khác	Đồng/xe/lượt	30.000
Các huyện và thị xã Sơn Tây.	Đồng/xe/lượt	25.000

**2.2.2. Mức thu tối đa hợp đồng theo tháng đối với xe ô tô đến 9 chỗ ngồi:**

*ĐV: Đồng/xe/Tháng*

Địa điểm thu	Trông giữ ban ngày mức tối đa	Trông giữ ban đêm mức tối đa	Trông giữ ngày đêm mức tối đa
- Trong các nhà chung cư, trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe cao tầng được đầu tư tầng trông giữ xe hiện đại (Trang bị hệ thống điều hòa; hệ thống giám sát, trông giữ xe thông minh: camera theo dõi, kiểm tra phương tiện, người gửi; quản lý điểm đỗ; ra vào quét thẻ theo dõi giờ vào, giờ ra và tính tiền, in hóa đơn tự động; bảo hiểm xe gửi);	1.500.000	1.600.000	3.000.000
- Trong các nhà chung cư, trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe cao tầng khác	800.000	1.200.000	1.800.000

Đối với mức thu theo tháng: Mức thu phí cụ thể của từng tòa nhà, giàn trông giữ xe cao tầng không được cao hơn mức thu tối đa tại biểu quy định, giao chủ đầu tư có trách nhiệm xây dựng phương án mức thu theo quy định, UBND Quận, huyện, thị xã căn cứ điều kiện, hoàn cảnh của địa bàn và phương án của chủ đầu tư, tổng hợp trình Sở Tài chính. Sở Tài chính thẩm định trình UBND Thành phố quyết định mức thu cụ thể để thực hiện.

**3. Phí trông giữ phương tiện tham gia giao thông bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ.**

**3.1. Trường hợp đối tượng nộp phí là người bị tạm giữ phương tiện do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (TTATGT):**

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
- Xe máy, xe lam	đồng/xe/ngày đêm	8.000
- Xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện, xe xích lô	đồng/xe/ngày đêm	5.000
- Xe đến 9 ghế ngồi và xe tải từ 2 tấn trở xuống	đồng/xe/ngày đêm	70.000
- Xe từ 10 ghế ngồi trở lên và xe tải trên 2 tấn trở lên	đồng/xe/ngày đêm	90.000

**3.2. Trường hợp phương tiện bị tạm giữ có quyết định tịch thu thì phí trông giữ như sau:** Căn cứ loại xe; số ghế xe ô tô chở người; trọng tải xe, địa điểm trông giữ xe, thời gian trông giữ xe: Áp dụng mức thu phí trông giữ xe hợp đồng theo tháng tại biểu dưới đây nhưng mức thu tối đa bằng số tiền thu bán phương tiện tịch thu sau khi trừ các chi phí hợp lý, hợp lệ cho việc bán phương tiện theo quy định.

### 3.2.1. Đối với xe đạp, xe máy điện, xe đạp điện, xe xích lô:

Địa điểm trông giữ	Đơn vị tính	Mức thu
1. Tại các Quận	đồng/xe/tháng	40.000
2. Tại các huyện; thị xã Sơn Tây	đồng/xe/tháng	30.000

### 3.2.2. Đối với xe máy, xe lam

Địa điểm trông giữ	Đơn vị tính	Mức thu
1. Tại các Quận	đồng/xe/tháng	70.000
2. Tại các huyện; thị xã Sơn Tây	đồng/xe/tháng	50.000

### 3.2.3. Phí trông giữ xe ô tô :

- Mức thu đối với loại xe tính theo ghế ngồi (xe con, xe du lịch, xe khách).

Địa điểm trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Tại 4 Quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa	1.500.000	1.600.000	1.700.000	1.800.000
- Tại các Quận còn lại	900.000	1.000.000	1.100.000	1.200.000
- Tại Thị xã Sơn Tây và các Huyện	500.000	600.000	700.000	800.000

- Mức thu đối với loại xe tính theo tải trọng (xe tải)

Địa điểm trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)		
	Đến 2 tấn	Trên 2 tấn đến 7 tấn	Trên 7 tấn
- Tại các Quận	600.000	700.000	900.000
- Tại Thị xã Sơn Tây và các Huyện	500.000	600.000	750.000

### Điều 3. Đơn vị thu phí (thực hiện theo phân cấp quản lý)

1. Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

2. Đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện (Công an, Thanh tra giao thông...) có kho, bãi và đủ điều kiện quản lý trông giữ phương tiện.

3. Riêng đối với các cơ quan Bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ngành trên địa bàn Thành phố Hà Nội có trách nhiệm bố trí khu vực để phương tiện giao thông của cán bộ, công chức, viên chức và của người đến giao dịch, làm việc; không được thu phí gửi phương tiện giao thông của người đến giao dịch, làm việc (theo quy định tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02 tháng 08 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước).



Trách nhiệm của đơn vị thu phí: Niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí về tên phí; mức thu phí; phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu tiền phí phải cấp chứng từ thu phí cho đối tượng nộp phí theo quy định

#### **Điều 4. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được**

1. Đối với các đơn vị được tổ chức theo loại hình doanh nghiệp, các hộ kinh doanh: Số phí trông giữ xe được tính là doanh thu của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh có trách nhiệm quản lý, sử dụng số phí trông giữ xe theo chế độ quy định về phí, lệ phí và thực hiện nghĩa vụ về thuế với nhà nước theo các quy định hiện hành.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ tài chính: số phí trông giữ xe thu được theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, sau khi được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định của Nhà nước; phần còn lại phải nộp ngân sách nhà nước và được hạch toán vào Mục lục ngân sách nhà nước theo loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng theo quy định.

3. Đối với các địa phương không tổ chức bộ máy quản lý riêng: số phí trông giữ xe thu được sau khi trừ phần chi phí tổ chức thu, phần còn lại nộp ngân sách nhà nước và được hạch toán vào Mục lục ngân sách nhà nước theo loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng theo quy định.

4. Đối với đơn vị ra quyết định tạm giữ phương tiện có tổ chức trông giữ (Công an, Thanh tra giao thông...): số phí thu được sau khi sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định của nhà nước, phần còn lại nộp vào ngân sách nhà nước và được hạch toán vào mục lục ngân sách theo quy định.

#### **Điều 5. Chứng từ thu phí**

1. Trường hợp là phí thuộc ngân sách nhà nước: Sử dụng biên lai thu phí do Cơ quan thuế phát hành hoặc tự in, đặt in theo quy định tại Thông tư 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

2. Trường hợp là phí ngoài ngân sách: sử dụng hóa đơn theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

#### **Điều 6. Xử lý vi phạm**

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hoá đơn và Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí.

## **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội: số 47/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2011 về việc thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 60/2013/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 47/2011/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2011 về việc thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 31/2009/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2009 về việc thu phí trông giữ phương tiện tham gia giao thông bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## **Điều 8. Tổ chức thực hiện.**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông Vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
- Bộ Tài chính;
- Đoàn ĐBQH TP;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Ban KTNS HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- VP: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- VPUB: CPVP, các phòng CV;
- TT Tin học Công báo TP, Công giao tiếp điện tử TP;
- Lưu: VT.

*(UBND các quận, huyện, thị xã có trách nhiệm sao gửi Quyết định này đến UBND các xã, phường, thị trấn)*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH *NS*

PHÓ CHỦ TỊCH *NS*



**Nguyễn Văn Sửu**